

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 164 /2025/DS-PT
Ngày 11 – 4 – 2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Ninh Quang Thế

Bà Đinh Cẩm Đào

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3, ngày 08 và 11 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 608/2024/TLPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2024 về việc: Tranh chấp về thừa kế tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 363/2024/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 40/2025/QĐ-PT ngày 04 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị N, sinh năm 1955 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp V, xã H, huyện U, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của bà Trần Thị N:

1. Chị Trần Thị Q, sinh năm 1983; địa chỉ cư trú: Ấp 4, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- **Bị đơn:** Ông Trần Văn M, sinh năm 1963 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Trần Văn M: Anh Lê Văn U, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp L, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn T, sinh năm 1948 (Vắng mặt);
2. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1952 (Vắng mặt);
3. Ông Trần Văn T1, sinh năm 1954 (Vắng mặt);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Trần Văn T1: Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1971; địa chỉ cư trú: Khóm 1, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4. Bà Trần Thị B, sinh năm 1958 (Vắng mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã L, huyện T, tỉnh Cà Mau.

5. Bà Lê Thị H, sinh năm 1969 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Bà Trần Thị N, là nguyên đơn; ông Trần Văn T1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo chị Trần Thị Q và ông Nguyễn Văn Tr là người đại diện của bà Trần Thị N trình bày:*

Cụ Hiêm và cụ Bá có tạo lập phần đất diện tích 34.014,9 m², đất tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng cụ Hiêm đứng tên là 19.419,2 m² (được Ủy ban nhân dân huyện Trần Văn Thời cấp Giấy chứng nhận số A478673, cấp ngày 13/7/1991), thửa đất số 97, 98, 99, 100, tờ bản đồ số 4; phần đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong đó: Ông M quản lý diện tích 8.203,9 m² (thửa 770, 768) và diện tích 13.571,3 m² (thửa 769, 245); còn ông T1 quản lý diện tích 11.215,3 m² (thửa 238). Cụ Bá chết năm 1967, đến năm 2004 cụ Hiêm chết; cụ Bá và cụ Hiêm chết không để lại di chúc định đoạt phần cho ai được hưởng, nhưng thực tế phần đất do ông T1 và ông M quản lý sử dụng. Cụ Bá và cụ Hiêm có 06 người con, gồm: Bà Trần Thị N, ông Trần Văn M, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn T, bà Trần Thị B. Bà N có yêu cầu ông M chia một phần đất vườn để sử dụng, nhưng ông M không đồng ý. Nay bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật phần đất do ông M quản lý là 21.775,2 m² cho 03 người là bà N, ông T1 và ông Mẫn, mỗi người được hưởng diện tích 7.258,4 m² (do ông Tể, bà Nuôi, bà Biên không có yêu cầu chia thừa kế), đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Theo Anh Lê Văn U là người đại diện của ông Trần Văn M trình bày:*

Về nguồn gốc đất, hàng thừa kế của cụ Hiêm và cụ Bá theo nguyên đơn trình bày là đúng. Phần đất của cụ Hiêm, hiện do ông T1 và ông M quản lý sử dụng từ nhiều năm nay. Ông M là người trực tiếp nuôi dưỡng cha mẹ đến khi qua đời và hiện ông M thờ cúng cha mẹ. Sau đó, ông M và ông T1 có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đã đo đạc phần đất để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì phần đất nằm trong Giấy chứng nhận của cụ Hiêm diện tích là 19.419,2 m², phần đất còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận. Ông M quản lý

diện tích 8.203,9 m² (thửa đất số 770, 768) và diện tích 13.571,3 m² (thửa đất số 769, 245); ông T1 quản lý diện tích 11.215,3 m² (thửa đất số 238). Về thời gian cụ Bá và cụ Hiêm chết, cũng như 02 cụ không có lập di chúc theo trình bày của nguyên đơn là đúng. Nhưng phía bà N và ông Tể có lập Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/7/2023 và ngày 12/7/2023, từ chối nhận di sản của cụ Bá và cụ Hiêm. Tiếp đến bà Nuôi, bà Biên, ông T1, ông M thống nhất lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/8/2023 để phân chia phần đất của cụ Hiêm cho ông M và ông T1. Như vậy, việc bà N và ông T1 yêu cầu chia thừa kế phần đất của ông Mẫn, trong đó ông T1 yêu cầu được hưởng phần đất vườn 2.800 m² là không có cơ sở. Nay ông M phản tố yêu cầu công nhận có hiệu lực Văn bản từ chối nhận di sản do bà N ký ngày 04/7/2023, Văn bản từ chối nhận di sản do ông Tể ký ngày 12/7/2023, Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế do bà Trần Thị N1, bà Trần Thị B, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn M ký ngày 30/8/2023. Theo đó, ông M yêu cầu được quyền sử dụng tổng diện tích 21.775,2 m², đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Bà Trần Thị B trình bày:

Cụ Hiêm và cụ Bá có tạo lập phần đất 34.014,9 m², đất tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Cụ Bá chết năm 1967, cụ Hiêm chết năm 2004, nhưng các cụ không có lập di chúc để giao quyền cho ai sử dụng, nhưng phần đất này do ông M và ông T1 quản lý, ông M là người nuôi dưỡng cha mẹ và thờ cúng cha mẹ. Tuy nhiên, bà cùng với bà Nuôi, ông T1, ông Mẫn, ông Tể, bà N có lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ký ngày 30/8/2023, là thống nhất phân chia phần đất của cụ Hiêm và cụ Bá cho ông M và ông T1. Nay, bà không có yêu cầu gì ở vụ án này.

- Theo ông Nguyễn Văn Tr là người đại diện của ông Trần Văn T1 trình bày:

Về nguồn gốc đất, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Hiêm và cụ Bá theo nguyên đơn trình bày là đúng. Lúc còn sống, cụ Hiêm và cụ Bá cho ông T1 phần đất ruộng 11.215,3 m² và phần đất vườn diện tích 2.800 m² (ngang 20 mét, dài 140 mét) và ông T1 quản lý sử dụng đến nay. Quá trình sử dụng, ông T1 có kê khai đăng ký và nộp thuế ruộng đất cho Nhà nước từ năm 1990 đến năm 2000 khi có chủ trương miễn thuế. Khi ông T1 làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận, tất cả các chị em thống nhất, riêng ông M không đồng ý, dẫn đến tranh chấp. Nay ông T1 yêu cầu được quyền sử dụng phần đất ruộng 11.215,3 m² và phần đất vườn diện tích 2.800 m², tổng diện tích là 14.015,3 m². Ngoài ra, ông T1 còn yêu cầu chia thừa kế phần đất do ông M quản lý 21.775,2 m² theo như yêu cầu của bà N.

- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn T1, bà Trần Thị N1, bà Trần Thị B, bà Lê Thị H: Không có yêu cầu gì ở vụ án này.

Tại phiên toà sơ thẩm:

- Chị Quyển (được bà N uỷ quyền), ông Trung (được bà N và ông T1 uỷ quyền) xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà N và yêu cầu độc lập của ông T1, như sau:

+ Đối với ông T1: Yêu cầu được quyền sử dụng phần đất 11.215,6 m² (thửa 1) và phần đất 2.660,6 m² (thửa 3).

+ Đối với bà N và ông T1: Yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật tổng phần đất diện tích 17.824,6 m² (thửa 2: 12.295,4 m², 4: 349,9 m², 5: 71,5 m², 7: (3.816,9 m² – khu mộ 17,9 m² = 3.799,0 m²), 10: 586,1 m², 11: 331,7 m², 12: 391,0 m²), cho 3 người (bà N, ông M, ông T1) mỗi người được nhận 1 kỷ phần = 5.941,5 m². Các phần đất còn lại (thửa 6, 8, 9) không có yêu cầu chia, đối với khu mộ (17,9 m²) giao cho ông M quản lý. Về cây trồng ở trên các thửa đất có yêu cầu chia thừa kế thì không có yêu cầu xem xét.

- Đối với anh Út (được ông M uỷ quyền) xác định: Đối với yêu cầu của ông T1 phần đất diện tích 11.215,6 m² (thửa 1) ông M đồng ý; các yêu cầu còn lại của bà N và ông T1, ông M không đồng ý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 363/2024/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N và một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu phân chia thừa kế phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 17.824,6 m² (thửa 2, 4, 5, 7, 10, 11, 12 – theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 245, 250, 769, 770, tờ bản đồ địa chính số 13, đất có địa chỉ tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn M.

Công nhận có hiệu lực pháp luật Văn bản từ chối nhận di sản do bà Trần Thị N lập ngày 04/7/2023, Văn bản từ chối nhận di sản do ông Trần Văn T1 lập ngày 12/7/2023, Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế do bà Trần Thị N1, bà Trần Thị B, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn M ký ngày 30/8/2023.

Ông Trần Văn M được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 21.691,4 m² (thửa 2 – diện tích 12.295,4 m² – đất trồng lúa, thửa 3, 12 – diện tích 3.051,6 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 4 – diện tích 349,9 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 5 – diện tích 71,5 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 6 – diện tích 674,8 m² (gắn liền căn nhà và công trình phụ của ông Mẫn, tổng diện tích 283,9 m²) – đất ở nông thôn + trồng cây lâu năm, ký hiệu thửa 7 – diện tích 3.816,9 m² (có gắn liền với khu mộ 17,9 m²) – đất trồng cây lâu năm, thửa 8 – diện tích 328,5 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 9 – diện tích 185,0 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 10 – diện tích 586,1 m² – đất trồng cây lâu năm, thửa 11 – diện tích 331,7 m² – đất trồng cây lâu năm - theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 245, 250, 769, 770, tờ bản đồ địa chính số 13, đất có địa chỉ tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1.

Ông Trần Văn T1 được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 11.215,6 m² (thửa 1 – đất trồng lúa - theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung)

của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 238, tờ bản đồ địa chính số 13, đất có địa chỉ tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Không chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 2.660,6 m² (thửa 3 - theo Mảnh đo đạc chính lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 768, tờ bản đồ địa chính số 13, đất có địa chỉ tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 27/11/2024, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị N có đơn kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông T1, bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện của bà Trần Thị N giữ nguyên kháng cáo;

Người đại diện của ông Trần Văn T1 rút lại yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 17.824,6m² cho ông T1 diện tích 5.941,5m².

Phản tranh luận tại phiên toà:

Ông Trung phát biểu:

Đối với kháng cáo của bà N: Phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của cha mẹ bà N để lại, các anh em của bà N có thỏa thuận phân chia cho bà N phần đất ngang 10m, dài từ lộ vào đến khu mộ, nhưng ông M không thực hiện theo thỏa thuận nên mới phát sinh tranh chấp. Đối với Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà N được chứng thực không đúng theo quy định tại Nghị định số 23/2015 của Chính phủ, nên bị vô hiệu. Bà N đã rút lại Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, nên việc bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế là có căn cứ. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

Đối với kháng cáo của ông T1: Ông T1 rút lại yêu cầu chia thừa kế phần đất diện tích 5.941,5m², chỉ yêu cầu ông M giao cho ông T1 phần đất vườn theo đo đạc 2.660,6m². Xét thấy yêu cầu của ông T1 là có căn cứ, vì phần đất này ông T1 được cha mẹ cho từ năm 1983 và quản lý sử dụng từ khi được cho đến nay, ông T1 đã có đóng thuế đất và có trồng tre trên đất. Nếu không chấp nhận yêu cầu ông T1 đối với phần đất diện tích 2.660,6m² thì ông T1 không có lối đi vào phần đất 11.215,6m² phía trong. Khi ông T1 ký văn bản phân chia di sản thừa kế thì ông T1 cũng không xác định được thửa đất nào. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của ông T1.

Bà Q không có ý kiến tranh luận.

Ông Út phát biểu: Ông Trung cho rằng khi ông T1 ký Văn bản phân chia di sản thừa kế thì ông T1 không xác định được thửa đất nào là không có căn cứ, vì

trong văn bản nêu rất rõ từng thửa đất. Đối với biên lai nộp thuế đất vườn cũng không xác định phần đất nào, vì hiện tại ông T1 cũng đang ở trên phần đất vườn khác thuộc xã Khánh Bình Đông. Bà N đã có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế; ông T1 cũng ký Văn bản phân chia thừa kế và đã thực hiện xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã thoả thuận phân chia. Do đó, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà N và ông T1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Hận không có ý kiến tranh luận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N; chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần Văn T1, sửa bản án sơ thẩm, buộc ông M giao cho ông T1 phần đất ngang 08m, chiều dài từ lộ đến phần đất ông T1 để làm lối đi. Huỷ, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của ông T1 về việc yêu cầu chia thừa kế cho ông T1 phần đất diện tích 5.941,5m².

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của ông T1 rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo đối với phần yêu cầu chia thừa kế cho ông T1 diện tích đất 5.941,5m²; người đại diện hợp pháp của ông M đồng ý với việc rút đơn khởi kiện của ông T1; do đó, Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với phần ông T1 đã rút yêu cầu khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của ông bà Trần Thị N, ông Trần Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Theo Mảnh đo đạc chính lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024, phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích là 32.907,0 m², trích đo thửa đất số 238, 245, 250, 769, 770, tờ bản đồ địa chính số 13, đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Bà N và ông T1 yêu cầu chia thừa kế là phần đất diện tích 17.824,6 m² (thửa 2: 12.295,4 m²; thửa 4: 349,9 m²; thửa 5: 71,5 m²; thửa 7: (3.816,9 m² – khu mộ 17,9 m² = 3.799,0 m²); thửa 10: 586,1 m²; thửa 11: 331,7 m², thửa 12: 391,0 m²), cho 3 người (bà N, ông M, ông T1) mỗi người được nhận 1 kỷ phần = 5.941,5 m². Các phần đất còn lại (thửa 6, 8, 9) không có yêu cầu chia, đối với khu mộ (17,9 m²) giao cho ông M quản lý. Về cây trồng ở trên các thửa đất có yêu cầu chia thừa kế thì không có yêu cầu xem xét. Ngoài ra, ông T1 có yêu cầu được quyền sử dụng diện tích 11.215,6 m² (thửa 1, thuộc thửa 238) và diện tích 2.660,6 m² (thửa 3, thuộc thửa 768) thuộc Giấy chứng nhận số A 478673, cấp cho cụ Hiêm ngày 13/7/1991. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm ông T1 rút lại đối với phần yêu cầu chia thừa kế diện tích đất 5.941,5m².

[2.2] Đối với ông M yêu cầu được quyền sử dụng phần đất diện tích 21.691,4 m² (thửa 2: 12.295,4 m²; thửa 3 (+12): 3.051,6 m²; thửa 4: 349,9 m²; thửa 5: 71,5 m²; thửa 6: 674,8 m² (có gắn liền với nhà và công trình phụ của ông M,)

tổng diện tích 283,9 m²); thửa 7: (3.816,9 m², khu mộ 17,9 m²); thửa 8: 328,5 m²; thửa 9: 185,0 m²; thửa 10: 586,1 m², thửa 11: 331,7 m²), theo đó: thửa 2 (thuộc thửa 245), thửa 4 (thuộc thửa 769), thửa 8 (thuộc thửa 769), thửa 10 (thuộc thửa 769) - chưa được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2.3] Xét về nguồn gốc đất, các đương sự thừa nhận là do cha mẹ (cụ Bá và cụ Hiêm) tạo lập. Cụ Bá và cụ Hiêm có 06 người con, gồm: Bà Trần Thị N, ông Trần Văn M, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị N1, ông Trần Văn T1, bà Trần Thị B. Cụ Bá chết năm 1967, cụ Hiêm chết năm 2004; cụ Bá và cụ Hiêm chết không để lại di chúc. Phần đất cụ Bà và cụ Hiêm tạo lập đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 13/7/1991, diện tích 19.380m² cho cụ Hiêm đứng tên; phần còn lại chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần đất hiện tại do ông M và ông T1 quản lý sử dụng, trong đó: Ông T1 quản lý sử dụng phần đất ruộng thuộc thửa 238, diện tích 11.215,3m² (theo đo đạc 11.215,6m²); phần diện tích còn lại do ông M quản lý sử dụng.

[2.4] Ngày 04/7/2023, bà N lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần đất của cụ Bá và cụ Hiêm để lại, đồng ý giao lại cho ông M và ông T1 được hưởng. Văn bản từ chối nhận di sản do bà N ký tên và có xác nhận của chính quyền ấp Vĩnh Lập và Ủy ban nhân dân xã Hoà Chánh, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nơi bà N cư trú. Ngày 12/7/2023, ông Trần Văn T1 cũng lập Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế đối với phần đất của cụ Bá và cụ Hiêm, đồng ý giao lại cho ông M và ông T1 được hưởng. Văn bản từ chối nhận di sản do ông T1 ký tên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau nơi ông T1 cư trú. Tại văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, bà N và ông T1 thống nhất phân chia cho ông M phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp, diện tích 8.203,9m² (thửa 770, 768) và phần đất nằm ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 13.571,3m² (thửa 769, 245); phân chia cho ông T1 phần đất nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 11.215,3m² (thửa 238). Sau khi bà N và ông T1 có Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế, đến ngày 30/8/2023 các người con còn lại của cụ Bá và cụ Hiêm gồm: Bà Trần Thị N1, bà Trần Thị B, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn M tiến hành lập Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế đối với phần đất cụ Bá và cụ Hiêm để lại. Văn bản được lập tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông, huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau; có bà Nuôi, bà Biên, ông T1, ông M ký tên và có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Đông. Tại Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/8/2023 thống nhất phân chia cho ông T1 phần đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 11.215,3m² tại thửa đất số 238; Phân chia cho ông M phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 8.203m² tại thửa đất số 770, 268 và phần đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, diện tích 13.571,3m² tại thửa đất số 769, 245. Các đương sự đã cam đoan việc phân chia là hoàn toàn tự nguyện. Đối với ông T1 cũng thống nhất việc phân chia cho ông diện tích đất 11.215,3m² tại thửa đất số 238, ông T1 cũng không đặt ra yêu cầu phân chia thêm phần đất nào khác.

[2.5] Đồng thời, ông T1 và ông M cũng căn cứ vào Văn bản phân chia di sản

thừa kế ngày 30/8/2023 để lập hồ sơ đăng ký kê khai xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất được phân chia; nhưng Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời trả lại hồ sơ, lý do: Văn bản từ chối nhận di sản của bà Trần Thị N phân chứng thực chưa đúng theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ; Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ghi “ ông Trần Văn Mẫn và ông Trần Văn M”. Tên ông Mẫn không đồng bộ. Sau khi Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời trả hồ sơ thì bà N và ông T1 mới phát sinh tranh chấp, yêu cầu chia thừa kế.

[2.6] Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của bà N cho rằng: Việc Ủy ban nhân dân xã Hoà Chánh, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang chứng thực Văn bản từ chối nhận di sản do bà N ký ngày 04/7/2023 là không đúng, vì phần đất mà bà N từ chối nhận là ở địa chỉ khác (thuộc Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau), chứ không thuộc xã Hoà Chánh, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang; mặt khác, khi bà N ký xong Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/7/2023, bà N phát hiện không đúng với ý chí, nên bà N có đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời để yêu cầu huỷ bỏ văn bản này, vì văn bản này do ông M và ông T1 nộp tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; sau đó Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời cung cấp cho bà N Phiếu trả lời và hướng dẫn thực hiện hồ sơ ngày 05/10/2023 đã huỷ bỏ văn bản này. Tuy nhiên, nội dung tại Phiếu trả lời và hướng dẫn thực hiện hồ sơ ngày 05/10/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Trần Văn Thời không có nội dung như người đại diện của bà N trình bày, mà nội dung tại văn bản này chỉ là trả lời cho ông M và ông T1 biết về tính pháp lý của Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/7/2023 và Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/8/2023, chứ không có trả lời khiếu nại gì đối với bà N. Đối với việc Ủy ban nhân dân xã Hoà Chánh, huyện U Minh, tỉnh Kiên Giang xác nhận Văn bản từ chối nhận di sản do bà N ký ngày 04/7/2023 là xác nhận về việc bà N ký tên văn bản, còn về mặt nội dung là do bà N tự chịu trách nhiệm. Kể từ khi ký xong Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/7/2023 đến khi bà N khởi kiện ông Mẫn, bà N cũng không có yêu cầu huỷ bỏ Văn bản từ chối nhận di sản ngày 04/7/2023.

[2.7] Đối với người đại diện của ông T1 cho rằng vào năm 1983 cụ Hiếm có cho ông T1 phần đất vườn diện tích 2.800m² (theo đo đạc diện tích 2.660,6m²), trước khi ký Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/8/2023 thì ông T1 và ông M thoả thuận khi ông M được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (cấp luôn phần đất vườn), ông M có trách nhiệm tách phần đất vườn lại cho ông T1 đứng tên; Tuy nhiên, vấn đề này không được phía ông M thừa nhận. Quá trình giải quyết vụ án, phía ông T1 cũng không cung cấp được giấy tờ thể hiện việc cụ Hiếm cho ông T1 phần đất vườn như đã trình bày. Đối với các Thông báo và Biên lai nộp thuế do ông T1 cung cấp cũng chưa có cơ sở xác định là ông T1 nộp thuế của phần đất vườn hiện nay đang tranh chấp. Tại Đơn xin tách hộ của cụ Hiếm ngày 29/12/1983 cho ông T1, chỉ thể hiện cụ Hiếm cho ông T1 10 công rưởi đất để làm ruộng, không thể hiện có cho ông T1 phần đất vườn. Đồng thời, tại Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của bà N, ông Tể và Văn bản thoả thuận phân chia di sản

thừa kế ngày 30/8/2023, đều có nội dung thống nhất nhau là phân chia cho ông T1 phần đất diện tích 11.215,3m² (là phần đất ruộng), ông T1 cũng thống nhất ký tên Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế, ông T1 cũng không đặt ra gì đối với phần đất vườn hiện nay tranh chấp. Sau đó, ông T1 cũng tiến hành thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất cũng chỉ với diện tích đất 11.215,3m² theo Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế ngày 30/8/2023, mà cũng không đề cập đến phần đất vườn. Như vậy, việc ông T1 cho rằng được cụ Hiêm cho phần đất vườn là chưa có cơ sở.

[2.8] Với các căn cứ trên, xét thấy bản án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà N và ông T1 là có căn cứ. Tuy nhiên, tại phiên toà phúc thẩm người đại diện của ông Mthống nhất chừa ra phần đất theo Mảnh đo đạc chính lý thửa đất (bổ sung) chiều ngang 05m tính từ điểm M6 đo trở qua M5 và từ M24 đo trở qua M25, chiều dài từ lộ bê tông đến giáp phần đất của ông T1 để làm lối đi chung, xét thấy đây là sự tự nguyện của phía ông M nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.9] Đối với ý kiến của người đại diện của ông T1 yêu cầu chừa lối đi chiều ngang 10m, nhưng người đại diện của ông Mkhông thống nhất nên không có cơ sở để chấp nhận.

[2.10] Từ nhận định trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N và ông Trần Văn T1, sửa bản án sơ thẩm là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà N, ông T1 được miễn chịu án phí (đã được miễn dự nộp).

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 299, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 363/2024/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu của ông Trần Văn T1 về việc chia thừa kế cho ông T1 phần đất diện tích 5.941,5m².

Không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị N, ông Trần Văn T1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 363/2024/DS-ST ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị N đối với ông Trần Văn M về việc yêu cầu phân chia thừa kế cho bà N phần đất diện tích 5.941,5m², đất tọa lạc Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Trần Văn M.

Công nhận hiệu lực của Văn bản từ chối nhận di sản do bà Trần Thị N lập ngày 04/7/2023, Văn bản từ chối nhận di sản do ông Trần Văn T1 lập ngày 12/7/2023, Văn bản thoả thuận phân chia di sản thừa kế do bà Trần Thị N1, bà Trần Thị B, ông Trần Văn T1, ông Trần Văn M ký ngày 30/8/2023.

Ông Trần Văn M được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 21.691,4 m² (thửa 2: diện tích 12.295,4 m²; thửa 3, 12: diện tích 3.051,6 m²; thửa 4: diện tích 349,9 m²; thửa 5: diện tích 71,5 m²; thửa 6: diện tích 674,8 m² (có gắn liền nhà và công trình phụ của ông Mẫn, tổng diện tích 283,9 m²); thửa 7: diện tích 3.816,9 m² (gắn liền với khu mộ 17,9 m²); thửa 8: diện tích 328,5 m²; thửa 9: diện tích 185,0 m²; thửa 10: diện tích 586,1 m²; thửa 11: diện tích 331,7 m², theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 245, 250, 769, 770, tờ bản đồ địa chính số 13, đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1.

Ông Trần Văn T1 được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 11.215,6 m² (thửa 1, theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 238, tờ bản đồ địa chính số 13, đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của ông Trần Văn T1 về việc yêu cầu được quyền sử dụng phần đất theo đo đạc thực tế diện tích 2.660,6m² (thửa 3, theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) của Công ty TNHH MTV Tài nguyên – Môi trường Dâng Phong lập ngày 28/10/2024), trích đo thửa đất số 768, tờ bản đồ địa chính số 13, đất tọa lạc tại Ấp R, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Các đương sự được quyền liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Văn M thống nhất chừa ra phần đất theo Mạnh đo đạc chỉnh lý thửa đất (bổ sung) chiều ngang 05m tính từ điểm M6 đo trở qua M5 và từ M24 đo trở qua M25, chiều dài từ lộ bê tông đến giáp phần đất của ông Trần Văn T1 để làm lối đi chung.

(Có Bản vẽ hiện trạng kèm theo)

- Về chi phí tố tụng tổng số tiền 57.802.000 đồng, bà N phải chịu, bà N đã nộp xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị N, ông Trần Văn M, ông Trần Văn T1 được miễn chịu án phí.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị N, ông Trần Văn T1 được miễn chịu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập